

CHƯƠNG TRÌNH

hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế- xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế- xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*viết tắt là Nghị quyết 26-NQ/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Sau gần 20 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 18/6/2004 và 10 năm thực hiện Kết luận số 25-KL/TW ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời của Trung ương đến nay đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực, đưa Ninh Thuận từ tỉnh nghèo vươn lên thành tỉnh có thu nhập trung bình. Kinh tế tăng trưởng nhanh, tốc độ tăng trưởng bình quân 8,76%/năm. Thu ngân sách có bước đột phá và tăng cao; quy mô nền kinh tế năm 2020 tăng 15,27 lần so với năm 2004. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Các tiềm năng, lợi thế của tỉnh bước đầu được nhận diện và khai thác hiệu quả. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch đạt được nhiều kết quả tích cực. Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được tập trung đầu tư, nâng cấp theo hướng hiện đại, tăng tính kết nối... Văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân ngày càng cải thiện. Quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị đạt kết quả khá toàn diện; khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố, tăng cường niềm tin của các tầng lớp Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế, đó là: kinh tế tăng trưởng nhanh nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, quy mô nền kinh tế nhỏ chiếm tỷ trọng thấp so với cả nước, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế và doanh nghiệp còn nhiều hạn chế; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, nhất là kết cấu hạ tầng thủy lợi, giao thông kết nối; các cân đối lớn về thu chi ngân sách,

đầu tư phát triển còn nhiều khó khăn, nguồn thu ngân sách còn thấp, nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu; đời sống Nhân dân ở vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; Tỷ lệ hộ nghèo, tái nghèo, nguy cơ tái nghèo còn cao; kết quả triển khai các chương trình liên kết, hợp tác phát triển vùng còn hạn chế. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu.

Nguyên nhân của những hạn chế có nguyên nhân khách quan, nhưng chủ quan là chủ yếu, đó là: Nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng; tư duy về liên kết vùng chậm được đổi mới; hạ tầng liên kết phát triển vùng có mặt còn hạn chế; năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn ở một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa sâu sát, chưa đồng bộ và quyết liệt; thực hiện vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu có lúc, có nơi còn hạn chế; phương thức lãnh đạo có mặt chậm đổi mới. Công tác phối hợp giữa các ngành và địa phương chưa đồng bộ, kịp thời, còn lúng túng trong xử lý những vấn đề lớn, mới phát sinh. Năng lực, tinh thần trách nhiệm và chất lượng tham mưu của một số cán bộ, công chức có mặt còn hạn chế; Công tác huy động, phân bổ các nguồn lực để thực hiện các khâu đột phá và đầu tư phát triển chưa đạt hiệu quả cao.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

Ninh Thuận trở thành tỉnh có mức thu nhập bình quân thuộc nhóm trung bình cao của cả nước; phát triển năng động, nhanh và bền vững, mạnh về biển trong khu vực; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, có khả năng chống chịu với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; đảm bảo vệ sinh môi trường; hình thành khu kinh tế ven biển phía Nam của tỉnh và hệ thống đô thị ven biển; bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, truyền thống, văn hóa vùng biển; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng cao; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển đảo được bảo đảm vững chắc; các tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt khoảng 10,84%/năm. Đến năm 2030, GRDP của tỉnh tăng 3,65 lần so với năm 2020 (*giá hiện hành*), trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 12-13%, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 47-48%, dịch vụ chiếm khoảng 40-41%. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 30%; kinh tế số chiếm 30% GRDP. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 200 triệu đồng/người/năm (*giá hiện hành*). Thu ngân sách Nhà nước đạt 11.000-12.000 tỷ đồng; tốc độ tăng thu nội địa cao hơn 2-3 điểm % so với bình quân của cả nước. Phân đầu tỉ lệ đô thị hoá

đạt khoảng 55-56%. Có ít nhất 45 xã đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó có 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030 đạt trên 55%.

- Chỉ số phát triển con người (HDI) cao hơn trung bình cả nước. Thu nhập bình quân đầu người gấp 1,2 lần trở lên so với trung bình cả nước. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 75-80%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt khoảng 35-40%. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1-1,5%/năm, trong đó tỷ lệ trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm. Đạt 35 giường bệnh viện/vạn dân; trên 11 bác sĩ/vạn dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 100% dân số.

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 49%; 100% hộ gia đình ở thành thị và 100% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt khoảng 100%. 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Đến năm 2045, trở thành tỉnh phát triển toàn diện, có thu nhập cao; là tỉnh mạnh về kinh tế biển; có khu kinh tế ven biển hiện đại, hệ thống đô thị ven biển thông minh, bền vững, thân thiện với môi trường, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân đạt mức cao; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; các tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ

- Các cấp ủy Đảng tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chương trình hành động này, xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và Nhân dân, nhận thức đúng, đầy đủ, sâu sắc về vai trò, vị trí của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ, là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, nhất là về kinh tế biển và quốc phòng, an ninh biển, đảo của Tổ quốc; cũng như các quan điểm, mục tiêu, mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phát triển Vùng.

- Xây dựng các chuyên mục, chuyên đề tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chương trình hành động này, các chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế vùng, kinh tế biển với quy mô sâu rộng. Xây dựng các nội

dung, phương pháp tuyên truyền, giáo dục phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực và hiệu quả, hình thức đa dạng, phong phú.

2. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Thống nhất cao ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của vùng và liên kết phát triển vùng; coi liên kết phát triển vùng là xu thế tất yếu, là động lực kết nối và dẫn dắt sự phát triển.

- Phối hợp kịp thời, chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương, địa phương trong vùng xây dựng thể chế liên kết vùng để điều phối và kết nối phát triển vùng nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng, liên vùng. Triển khai thực hiện có hiệu quả các thể chế liên kết vùng và kết nối phát triển vùng.

- Phối hợp xây dựng các chương trình hợp tác song phương và đa phương; đề xuất xây dựng chương trình phối hợp hành động chung giữa các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ, đặc biệt là tiểu vùng Nam Trung Bộ; các chương trình hợp tác với các địa phương vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, như: TP Hồ Chí Minh, Lâm Đồng;.. các chương trình vận động, xúc tiến đầu tư chung giữa các tỉnh.

- Hoàn thành và tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh, tạo cơ sở pháp lý để triển khai hợp tác, liên kết vùng; Quy hoạch tỉnh phải có tầm nhìn tổng thể, dài hạn cùng với các giải pháp đột phá, mở rộng không gian và nguồn lực cho phát triển; bảo đảm gắn kết giữa phát triển khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp với các khu du lịch và dịch vụ; giữa phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới; giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá, lịch sử và hệ sinh thái biển, rừng; phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế, nhất là hành lang kinh tế Đông - Tây; khai thác hiệu quả cảng biển tổng hợp Cà Ná hướng đến hình thành Cảng loại I; kiến nghị bổ sung quy hoạch sân bay Thành Sơn vào quy hoạch Cảng hàng không quốc gia thời kỳ 2021-2030, thành lập Khu kinh tế ven biển phía Nam của tỉnh.

- Tập trung phát triển theo không gian 3 hành lang chính: Trục cao tốc Bắc Nam, tuyến đường ven biển và hành lang Đông - Tây theo tuyến Quốc lộ 27 lên Nam Tây Nguyên để huy động các nguồn lực khai thác tiềm năng, lợi thế đặc thù của từng tiểu vùng, gắn với liên kết vùng với khu vực Tây nguyên và tiểu vùng Nam Trung Bộ; trong đó xác định 3 khu vực ưu tiên gồm: (1) Vùng đô thị động lực Phan Rang - Tháp Chàm là vùng tổng hợp đa ngành; (2) Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là vùng công nghiệp – cảng biển - năng lượng, thương mại dịch vụ và du lịch; (3) Vùng phát triển phía Tây là vùng phát triển thương mại dịch vụ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng và du lịch.

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích phát triển doanh nghiệp và thu hút nguồn lực nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, nhất là các ngành kinh tế biển. Phối hợp xây dựng các cụm liên kết ngành với các địa phương trong vùng, tiểu vùng Nam Trung Bộ gắn với các ngành kinh tế biển. Huy động, phân bổ, tìm kiếm, chia sẻ các nguồn lực để thực hiện các mục tiêu chung của vùng; trong đó, có hệ thống hạ tầng kết nối liên vùng, các dự án có quy mô và sức lan toả liên vùng.

- Tập trung đầu tư tăng cường hệ thống hạ tầng trọng yếu bảo đảm liên kết vùng, nhất là các lĩnh vực giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, kinh tế số, đô thị, đào tạo nguồn nhân lực, du lịch và dịch vụ, logistics, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu, trao đổi thông tin kinh tế - xã hội với các địa phương trong vùng.

3. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế biển

- Tập trung phát triển Ninh Thuận trở thành tỉnh mạnh về biển trong khu vực; phát triển kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển; tập trung huy động mọi nguồn lực để kinh tế biển trở thành động lực phát triển, nhất là các ngành như: năng lượng, năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng gió ven bờ và năng lượng gió ngoài khơi, điện khí LNG, Hydro lỏng; đô thị, du lịch và dịch vụ biển; phát triển công nghiệp ven biển; phát triển đồng bộ khai thác và nuôi trồng thủy hải sản; kinh tế hàng hải; các ngành kinh tế biển mới...

- Phát triển công nghiệp trở thành đòn bẩy để phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ khác, ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh và công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện môi trường, có thương hiệu và tham gia hiệu quả vào chuỗi sản xuất của khu vực và toàn cầu ở một số lĩnh vực có lợi thế như: công nghiệp năng lượng, cảng biển, đóng tàu, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp phụ trợ; các ngành công nghiệp sử dụng nguồn năng lượng tái tạo tại chỗ. Xây dựng Ninh Thuận là một trong những trung tâm năng lượng, năng lượng tái tạo của cả nước, đặc biệt là điện gió và điện gió ngoài khơi; điện khí LNG; nghiên cứu và định hướng phát triển khai thác năng lượng hydrogen; hình thành Trung tâm sản xuất thiết bị, bảo trì bảo dưỡng năng lượng của vùng; Trung tâm sản xuất muối và hóa chất sau muối. Phân bố không gian công nghiệp theo hành lang kinh tế ven biển gắn với cảng biển, ưu tiên phát triển công nghiệp ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh, hành lang kinh tế Đông - Tây, các đường giao thông kết nối liên vùng từ Cảng tổng hợp Cà Ná lên Nam Tây nguyên. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thành hạ tầng các Khu, Cụm Công nghiệp. Tập trung thu hút đầu tư, đáp ứng các điều kiện để thành lập khu kinh tế ven biển phía Nam của tỉnh.

- Cơ cấu lại và đổi mới mô hình phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và xây

dựng nông thôn mới; tăng cường đầu tư cho ứng dụng khoa học - công nghệ và hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Phát triển nông nghiệp hữu cơ; mở rộng liên kết, hợp tác và hình thành các chuỗi giá trị có giá trị gia tăng cao, gắn với phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới và phát triển du lịch... Nhân rộng mô hình nông, lâm kết hợp gắn phát triển chăn nuôi. Cơ cấu lại nghề khai thác hải sản, khuyến khích đầu tư trang thiết bị hiện đại cho nhóm tàu khai thác vùng khơi gắn với phát triển mô hình dịch vụ trên biển, mở rộng ngư trường. Xây dựng Ninh Thuận trở thành trung tâm sản xuất tôm giống có chất lượng cao của cả nước; Phát triển các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá kết hợp với quốc phòng, an ninh. Phát triển kinh tế rừng và kinh tế dưới tán rừng. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, gắn với đô thị hoá.

- Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại hình dịch vụ mới. Phát triển ngành du lịch theo hướng “Bền vững - Đẳng cấp - Độc đáo”; tập trung nguồn lực đầu tư phát triển khu du lịch Quốc gia Ninh Chữ trở thành một trong các vùng du lịch trọng điểm quốc gia. Tăng cường liên kết, kết nối với các tuyến du lịch quốc gia, nhất là các tuyến du lịch khu vực Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Nam Lào và Đông bắc Campuchia. Xây dựng Ninh Thuận trở thành điểm đến quan trọng trong chuỗi du lịch duyên hải miền Trung; đến năm 2030, du lịch Ninh Thuận thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn và phát triển bền vững, trở thành điểm đến đặc biệt hấp dẫn, có năng lực cạnh tranh cao so với khu vực và cả nước. Phát triển Cảng tổng hợp Cà Ná lên cảng loại I hướng đến hình thành Cảng trung chuyển quốc tế, hình thành Trung tâm dịch vụ Logistics của vùng và khu vực để tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Tập trung phát triển mạnh hệ thống đô thị, nhất là hệ thống đô thị ven biển; đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông

- Phát triển hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại theo mô hình, tiêu chí tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, sinh thái, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Phát triển và hình thành 06 đô thị ven biển (*Vĩnh Hy, Thanh Hải, Khánh Hải, Phan Rang Tháp Chàm, Sơn Hải, Cà Ná*) và hình thành dải ven biển phát triển theo cấu trúc không gian đan xen hỗn hợp đô thị du lịch về phía Bắc và phía Nam của tỉnh. Phát triển mạng lưới đô thị gắn với phát triển khu kinh tế ven biển, khu, cụm công nghiệp, khu du lịch và các khu chức năng tạo mạng lưới liên kết chặt chẽ trong tỉnh và liên kết với các địa phương trong tiểu vùng Nam Trung Bộ. Xây dựng Phan Rang – Tháp Chàm thành thành phố thông minh, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vùng đồng bộ, hiện đại, kết nối vùng và liên vùng. Chủ động phối hợp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án

giao thông trọng điểm quốc gia: Cao tốc Bắc Nam đoạn qua tỉnh; xúc tiến kêu gọi đầu tư khôi phục tuyến đường sắt răng cưa Tháp Chàm- Đà Lạt; tuyến đường sắt kết nối với Nhà ga Cà Ná mới đến Cảng tổng hợp Cà Ná; đường giao thông kết nối liên vùng từ Cảng tổng hợp Cà Ná lên Nam Tây nguyên để tăng tính kết nối vùng, phát huy hiệu quả lưu thông hàng hóa từ các tỉnh Tây nguyên. Đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng các công trình, dự án giao thông trọng điểm, kết nối: Hoàn thành Cảng tổng hợp Cà Ná giai đoạn 1 vào năm 2024; đường liên vùng từ Thị trấn Tân Sơn đi Tà Năng huyện Đức Trọng- Lâm Đồng; tuyến đường kết nối Cảng Cà Ná với cao tốc Bắc Nam; hệ thống giao thông kết nối cảng với đường liên vùng lên các tỉnh Nam Tây Nguyên. Đề xuất bổ sung sân bay Thành Sơn vào quy hoạch Cảng hàng không quốc gia thời kỳ 2021-2030; nghiên cứu, tổ chức kêu gọi đầu tư cảng hàng không Thành Sơn theo hình thức phù hợp. Trên cơ sở đó, đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông gồm cả các tuyến đường vành đai kết nối với khu công nghiệp, cảng hàng không, cảng biển, khu đô thị, du lịch hiện đại để tăng tính kết nối vùng, liên vùng.

- Hoàn thiện quy hoạch và đầu tư phát triển hạ tầng giáo dục, đào tạo, dạy nghề theo hướng đạt chuẩn; Phát triển Phân hiệu trường Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh tại Ninh Thuận thành trường đại học đa ngành, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao các địa phương trong vùng. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường Cao đẳng nghề thành trường trọng điểm của tỉnh, thực hiện đào tạo lực lượng lao động có chất lượng cao theo tiêu chuẩn thế giới và khu vực ASEAN. Nâng cấp, hiện đại hoá bệnh viện Đa khoa tỉnh, các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện. Khuyến khích đầu tư các trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm khoa học - công nghệ, đào tạo, chăm sóc sức khỏe.... Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, đầu tư, nâng cấp đồng bộ các thiết chế văn hoá.

5. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên biển và rừng; bảo vệ môi trường, nhất là môi trường biển; nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương; thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ; nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, khai thác tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường.

Quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai; phát triển mạng lưới quan trắc môi trường tự động. Tăng cường dự báo, đánh giá tác động để triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống thiên tai và đầu tư phát triển hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

6. Phát triển toàn diện văn hoá - xã hội

- Thực hiện tốt chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp học và nâng cao chất lượng giáo dục; tạo chuyển biến về chất lượng trong giáo dục và đào tạo; Tập trung triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với thể mạnh và định hướng phát triển các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh, coi đây là một trong những khâu đột phá cho phát triển. Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng hoạt động các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với ứng dụng và chuyển giao công nghệ có hiệu quả cho phát triển về kinh tế-xã hội.

- Triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia. Tập trung nguồn lực phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo nhanh và bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện hiệu quả các chính sách ưu đãi người có công và trợ giúp xã hội. Hoàn thiện mạng lưới y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến, đặc biệt tuyến cơ sở.

- Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh và di sản thiên nhiên, nhất là Khu sinh quyển Quốc gia Núi Chúa, nghề gốm Chăm Bàu Trúc. Đầu tư, nâng cấp và đẩy mạnh xã hội hóa trong xây dựng và phát triển mạng lưới các thiết chế văn hoá cơ sở và thể dục, thể thao. Giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa lịch sử, truyền thống, các nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng, nhất là văn hóa Raglai, Chăm.

7. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Từng bước xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ hiện đại, ưu tiên lực lượng thực thi pháp luật trên biển; xây dựng lực lượng dân quân biển vững mạnh, có chất lượng tổng hợp, độ tin cậy cao, sẵn sàng phối hợp cùng các lực lượng giữ vững an ninh, trật tự, an toàn trên biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo; không ngừng củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân khu vực biển; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về an ninh và trật tự, an toàn xã hội; chủ động phát hiện và xử lý kịp thời, không để xảy ra bị động, bất ngờ, hình thành "điểm nóng", phức tạp về an ninh, trật tự. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối về kết hợp giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại. Đẩy mạnh công tác vận động quần chúng trong giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh; phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, ngăn chặn kịp thời hành vi lợi dụng dân tộc, tôn giáo xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm các hoạt động truyền đạo trái pháp luật, các

hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật, lợi dụng tôn giáo để chống phá chính quyền, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

- Đẩy mạnh hợp tác kinh tế, vận động và thu hút các nguồn vốn đầu tư, viện trợ phát triển chính thức, nhất là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nguồn đầu tư từ khu vực tư nhân và các đối tác phát triển của hợp tác tiểu vùng sông Mê Công, nhất là phát triển kinh tế biên và ứng phó với biến đổi khí hậu, các hiện tượng thời tiết cực đoan.

- Chủ động khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các khung khổ hội nhập để cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, bền vững. Tăng cường hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các nước trên thế giới, nhất là các nước tiểu vùng sông Mê Công, ASEAN.

8. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong vùng

- Triển khai kịp thời và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Trung ương về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp. Triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận; quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; chất lượng, hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, uỷ quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát. Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng thiết thực, hướng mạnh về cơ sở, đi sâu vào từng đối tượng, đa dạng các hình thức tập hợp Nhân dân. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tổ chức học tập, tuyên truyền, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chương trình hành động này. Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp góp phần sớm đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống. Thời gian hoàn thành **trong tháng 4 năm 2023**.

2. Đảng đoàn Hội đồng Nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách có liên; bố trí ngân sách Nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện các công trình, dự án trọng điểm và các cơ chế, chính sách có liên quan. Đồng thời, chỉ đạo tăng cường công tác giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách pháp luật về phát triển kinh tế - xã hội vùng.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn việc học tập, quán triệt, chỉ đạo công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân trong việc thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chương trình hành động này. Thời gian hoàn thành **trong quý I/2023**.

4. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, quán triệt, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chương trình hành động này. Đồng thời, phát huy hiệu quả vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với việc xây dựng các chủ trương, chính sách có liên quan và quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, chương trình hành động.

5. Ban cán sự đảng Ủy ban Nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành, địa phương xây dựng các chương trình, kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW và Chương trình hành động này. Phân công nhiệm vụ cho các cơ quan liên quan tham mưu, thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế vùng.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện; định kỳ hàng năm, 3 năm, 5 năm có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời đề xuất các giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm thực hiện thắng lợi, toàn diện các nội dung Nghị quyết, Chương trình hành động đề ra.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
SẢN BÍ THƯ



Nguyễn Đức Thanh